

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HUNG YÊN**

---***---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HSST

Ngày: 25/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU**

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thế và ông Lê Trọng Vĩnh.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trang Vân - Cán bộ tòa án.

- *Đại diện VKSND huyện Khoái Châu:* Bà Lê Thị Chung - KSV.

Ngày 25 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 93/2017/TLST-HS, ngày 26/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2018/QĐXXST-HS ngày 03/01/2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Danh Q - Sinh năm 1995. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn H, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên; Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Danh S (Đã chết) và bà: Nguyễn Thị H – Sinh năm 1969; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Chưa có.

Tiền sự: - Ngày 11/11/2016, Q bị Công an thị trấn Khoái Châu xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản mức tiền phạt là 3.500.000 đồng.

- Ngày 24/12/2016, Q bị Công an thị trấn K, huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản mức tiền phạt là 1.500.000 đồng.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 25/10/2017, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ của Công an huyện Khoái Châu.

(Có mặt tại phiên tòa).

****/ Người bị hại:*** Anh Vũ Công M, sinh năm 1999.

Trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

****/ Cơ quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Công ty may T.

Địa chỉ: Thôn H, trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Anh Nguyễn Đức Phú, sinh năm 1975;
Trú tại: Thôn H, trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
2. Anh Hoàng Đại D, sinh năm 1974.
Trú tại: Thôn P, trấn K, huyện K, tỉnh Hưng Yên.
(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Danh Q là công nhân thuộc công ty may T ở thôn H, thị trấn K, huyện K. Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 25/10/2017, Q đến công ty làm việc và nhìn thấy trên bàn máy của anh Vũ Công M, sinh năm 1999 ở thôn 3, xã Đ, huyện K cũng là công nhân của công ty để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei. Lúc này thấy trong xưởng ít người, không có ai để ý, anh M không có mặt tại bàn làm việc nên Q nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại trên bàn lấy tiền tiêu sài. Q đi từ phía cuối dãy máy may trong xưởng lên phía bàn làm việc của anh M rồi dùng tay phải cầm chiếc điện thoại cho vào túi quần đang mặc và đi ra khỏi công ty. Sau đó Q đi đến cửa hàng mua bán điện thoại di động của anh Hoàng Đại D, sinh năm 1974 ở thôn P, thị trấn K và nói với anh D rằng điện thoại của mình muốn bán nên anh D đã mua chiếc điện thoại với giá 750.000 đồng, Q đã cầm tiền rồi tiêu sài cá nhân hết.

Cùng ngày anh Vũ Công M phát hiện mất điện thoại nên đã báo với lãnh đạo công ty. Sau khi anh M được Công ty T cho rà soát lại camera an ninh của Công ty thì phát hiện thấy Nguyễn Danh Q là người đã trộm cắp chiếc điện thoại nên anh M đã có đơn trình báo đến cơ quan Công an.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã tiến hành khám nghiệm hiện trường đồng thời trích xuất hình ảnh Camera ghi lại sự việc Nguyễn Danh Q thực hiện hành vi trộm cắp để gửi đi giám định. Ngoài ra Cơ quan cảnh sát điều tra còn thu giữ chiếc điện thoại nêu trên do anh Hoàng Đại D chủ cửa hàng điện thoại tự nguyện giao nộp.

Ngày 26/10/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra đã quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc điện thoại di động mà Q đã trộm cắp của anh M. Tại bản kết luận số 54 ngày 30/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Khoái Châu kết luận: Trị giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei của anh M tại thời điểm bị trộm cắp là 1.267.000 đồng.

Bản kết luận giám định số 5477/C54-P6 ngày 06/11/2017 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an kết luận: Các file video gửi giám định không bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung.

Đối với anh Hoàng Đại D đã mua lại của Q chiếc điện thoại di động nói trên nhưng không biết tài sản do Q trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý. Anh D cũng không yêu cầu Q phải trả lại cho anh số tiền 750.000 đồng mà anh đã mua chiếc điện thoại trên.

Ngày 21/12/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã trả lại chiếc điện thoại Huawei cho anh Vũ Công M. Anh M nhận lại và không yêu cầu đề nghị gì.

Tại bản cáo trạng số 06/QĐ-VKS-HS, ngày 25/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố: Nguyễn Danh Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999 (BLHS năm 1999).

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo Q và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015 (BLTTHS năm 2015); khoản 1 và khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS năm 2015). Đề nghị xử phạt bị cáo Q từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ 25/10/2017; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Q; Truy tịch thu đối với bị cáo Q số tiền 750.000đ do thu lợi bất chính; Lưu tại hồ sơ vụ án 01 USB đã thu giữ tại Công ty may T.

- Bị cáo Q nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải và nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử bị cáo ở mức án thấp nhất.

- Người bị hại anh Vũ Công M, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Đại D đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, tuy nhiên trong hồ sơ vụ án họ đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt họ tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Người đại diện theo pháp luật của cơ quan có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Anh Nguyễn Đức Q đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, tuy nhiên đã có đơn xin xét xử vắng mặt và thể hiện quan điểm về 01 chiếc USB đã thu giữ tại Công ty may T thì chiếc USB là tài sản của công ty tuy nhiên không có giá trị về mặt kinh tế nên không có nhu cầu nhận lại mà đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về việc áp dụng pháp luật: Mặc dù, Bộ Luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 (Được gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015) đã có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo được thực hiện, bị khởi tố, điều tra, truy tố trước 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018. Đồng thời, so sánh quy định về hình phạt tại Điều 138 BLHS năm 1999 với điều luật tương ứng (Điều 173 của BLHS năm 2015) thì thấy rằng quy định về hình phạt tại các điều luật này là như nhau. Do đó, căn cứ Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tố tụng hình sự số 101/2015/QH13 của Tòa án nhân dân tối cao thì trường hợp này vẫn áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Khoái Châu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Danh Q đã thừa nhận vào ngày 25/10/2017, tại công ty may T bị cáo đã lợi dụng người bị hại là anh Vũ Công M không có mặt tại bàn làm việc nên đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei của anh M. Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với: Biên bản trích xuất Camera (BL: 36), Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường (BL: 40); Lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (BL:52-57) và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 06 giờ 45 phút ngày 25/10/2017 tại Công ty may T ở thôn H, thị trấn K, huyện K, Nguyễn Danh Q đã có hành vi lén lút trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Huawei trị giá 1.267.000 đồng của anh Vũ Công M, sinh năm 1999 ở thôn 3, xã Đ, huyện K.

Mặc dù giá trị của chiếc điện thoại Huawei mà bị cáo trộm cắp của anh M chưa đến 2.000.000đ, nhưng ngày 24/12/2016 bị cáo Q đã bị Công an thị trấn K, huyện K xử pHt vi pHm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản, đến thời điểm phạm tội lần này chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu đã truy tố bị cáo Nguyễn Danh Q về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của BLHS năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Danh Q là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội nói chung và gây mất trật tự trị an tại địa phương nói riêng. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc lợi dụng lúc người bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản, bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của họ là vi phạm pháp luật, nhưng do có động cơ tư lợi, muốn ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác nên bị cáo vẫn thực hiện, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của nhà nước. Hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm khắc trước pháp luật.

Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Q không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp không lớn nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Xét về nhân thân: Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo Q là người có nhân thân xấu, lười lao động, thích ăn chơi hưởng thụ trên mồ hôi công sức của người khác. Năm 2016, đã từng 02 lần bị Công an thị trấn K, huyện K xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý làm hư hỏng tài sản với mức tiền phạt là 3.500.000 đồng và hành vi trộm cắp tài sản với mức tiền phạt là 1.500.000 đồng. Cho đến nay bị cáo vẫn chưa thi hành các khoản tiền nộp phạt nói trên mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản một cách táo tợn, công khai giữa ban ngày, chứng tỏ bị cáo là người coi thường pháp luật. Nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có công ăn việc làm ổn định, không có tài sản riêng, nên không áp dụng khoản 5 Điều 138 của BLHS năm 1999 để phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Vũ Công M đã nhận lại tài sản, không có yêu cầu đề nghị gì; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Đại D không yêu cầu bị cáo Q phải trả lại cho anh số tiền 750.000 đồng mà anh D đã mua chiếc điện thoại trên. Tuy nhiên, số tiền 750.000đ mà bị cáo bán điện thoại cho anh D là tiền do bị cáo bán điện thoại trộm cắp được mà có nên cần

truy tịch thu, xung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999 và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thi hành án về khoản tiền truy thu nêu trên nếu bị cáo Q chậm thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Khoái Châu đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, đồng thời thu giữ 01 chiếc USB tại Công ty may T ghi lại toàn bộ hình ảnh bị cáo Q thực hiện hành vi trộm cắp. Người đại diện theo pháp luật của Công ty may T có quan điểm không có nhu cầu nhận lại nên cần lưu tại hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo Q phải chịu án phí HSST là 200.000đ theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện cho cơ quan có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Danh Q phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 của BLHS năm 1999; khoản 1 và khoản 2 Điều 357 của BLDS năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Q 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ 25/10/2017.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Q.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 BLHS năm 1999 và điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS năm 2015.

- Lưu tại hồ sơ vụ án 01 USB của công ty may T ghi lại toàn bộ hình ảnh bị cáo Q thực hiện hành vi trộm cắp.

- Truy tịch thu, xung quỹ nhà nước số tiền 750.000đ (Bảy trăm lăm mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ khi cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định thi hành án về khoản tiền truy thu nêu trên nếu bị cáo Q chậm thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/01/2018). Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án; đại diện cho cơ quan có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Khoái Châu;
- CA huyện Khoái Châu;
- Bị cáo; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Phòng kiểm tra - TAND tỉnh;
- Chi cục thi hành án huyện K/C;
- Lưu HSVA.

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG